TAD HUYỆN LỤC NAM **TỈNH BẮC GIAG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2019/DS-ST
Ngày: 26-11-2019
V/v TrAh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DAH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hữu Thái
2. Ông Từ Minh Hải

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Hương GiAg - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lục Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Thân Mạnh Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2019/TLST- HĐVTS ngày 21 tháng 3 năm 2019 về: TrAh chấp về hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST- DS ngày 06 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

N đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1960
Địa chỉ: Số nhà 642, phố Đ, thị trấn Đ, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg
Ủy quyền cho bà Lê Thị N, sinh năm 1965 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg
Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1977 (có mặt)
Địa chỉ: Thôn A Nguyễn, xã S, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg
Người có quyền L, nghĩa vụ liên quA: Bà Lê Thị N, sinh năm 1965
Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện của N đơn, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền cho N đơn bà Lê Thị N trình bày: Do có mối quA hệ quen biết, bà Lê Thị L cho chị Nguyễn Thị Y vay 03 lần tiền với tổng số tiền là 90.000.000đ. Cụ thể: Ngày 12/9/2014 bà L cho chị Y vay 30.000.000đ; ngày 18/9/2019 bà L cho chị Y vay 30.000.000đ; ngày 09/10/2014 bà L cho chị Vân 30.000.000đ. Khi vay các bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Trong giấy biên nhận vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2000đ/ngày/triệu. khi nào bà L đòi tiền thì chị Y sẽ trả. Mục đích chị Y vay để sử dụng vào việc riêng. Do cần tiền, đầu năm 2019 bà L đi lại đòi nhiều lần nhưng chị Y không trả. Đến nay chị Y vẫn chưa trả bà L được đồng tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà L yêu cầu chị Y phải trả bà số tiền gốc đã vay và lãi suất phát sinh theo lãi suất cơ bản bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là

9%/năm, tương đương 0,75%/tháng từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm.

Tại biên bản lấy lời khai, lời khai tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn chị Nguyễn Thị Y trình bày: Do có mối quA hệ quen biết, chị có vay của bà Lê Thị L như bà L khởi kiện. Khi vay các bên có viết giấy vay tiền. Trong giấy vay tiền không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất. Hai bên thỏa thuận lãi suất bằng miệng là 2.000đ/triệu/ngày và khi nào bà L cần tiền báo chị chị sẽ trả. Mục đích chị vay tiền để làm ăn. Sau khi vay chị đã trả lãi cho bà L được hơn một năm, khi trả các bên không viết giấy tờ, chị cũng không có chứng cứ gì khác để chứng minh. Nay bà L yêu cầu chị trả số tiền gốc 90.000.000đ và lãi suất 9%/năm từ ngày vay đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm, chị đồng ý, nhưng do kinh tế của chị đAg rất khó khăn, chị xin được trả dần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, của những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị L, buộc chị Y phải trả cho bà Lê Thị L số tiền gốc còn nợ là 90.000.000đ và lái suất phát sinh 9%/năm từ ngày vay cho đến ngày 22/11/2019.

- Về án phí: Chị Y phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Hợp đồng vay tài sản giữa chị Lê Thị L và chị Nguyễn Thị Y được xác lập ngày 12/9/2014; ngày 18/9/2014; ngày 19/10/2014 trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng, không bên nào bị lừa dối, ép buộc nên đây là giao dịch hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên, buộc các bên phải thực hiện.

[2]. Do có mối quA hệ quen biết, từ năm 2014, bà Lê Thị L có cho chị Nguyễn Thị Y vay tổng số tiền là 90.000.000đ làm 03 lần. Cụ thể: Ngày 12/9/2014 là 30.000.000đ; ngày 18/9/2019 là 30.000.000đ; ngày 09/10/2014 là 30.000.000đ. Khi vay các bên có viết giấy biên nhận vay tiền. Các bên thỏa thuận lãi suất miệng là 2000đ/ngày/triệu. Thời hạn trả là khi nào bà L cần tiền báo cho chị Y, chị Y sẽ trả. Mục đích chị Y vay để sử dụng vào việc riêng. Do cần tiền, đầu năm 2019 bà L đi lại đòi nhiều lần nhưng chị Y không trả. Đến nay chị Y vẫn chưa trả bà L được đồng tiền gốc và lãi suất nào. Nay bà L yêu cầu chị Y phải trả bà số tiền gốc đã vay là 90.000.000đ và lãi suất phát sinh theo lãi suất cơ bản bản của Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 9%/năm (tương đương 0,75%/tháng) từ ngày vay cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3]. Vì vậy, cần buộc chị Nguyễn Thị Y phải có nghĩa vụ trả cho bà Lê Thị L 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) tiền gốc và lãi suất phát sinh từ ngày 12/9/2014 đến ngày 22/11/2019 là 62 tháng 10 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng)x 30.000.000đ= 14.025.0000đ (mười bốn triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng); từ ngày 18/9/2019 đến ngày 22/11/2019 là 62 tháng 04 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng)x 30.000.000đ = 13.930.000đ (mười ba triệu chín trăm ba mươi

nghìn đồng); từ ngày 9/10/2014 đến ngày 22/11/2019 là 61 tháng 13 ngày x 9%/năm (0,75%/tháng)x 30.000.000đ= 13.822.000đ (mười ba triệu tám trăm hai mươi hai nghìn đồng).Tổng số tiền chị Y phải trả cho bà Lê Thị L là 125.998.900(Một trăm hai mươi lăm triệu chín trăm chín mươi tám nghìn chín trăm đồng). Số tiền lãi chị Y phải trả bà L là 14.025.000 + 13.930.000đ + 13.822.000đ = 41.777.000đ. Tổng số tiền chị Y phải trả cho bà Lê Thị L là 131.777.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu bảy trăm bảy mươi bảy nghìn đồng).

[4]. Quá trình tố tụng, chị Nguyễn Thị Y khai chị đã trả được cho bà L được hơn năm tiền lãi, nhưng chị Y không đưa ra được tài liệu, chứng cứ để chứng minh nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Sau khi Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị Nguyễn Thị Y giao nộp cho Tòa án 01 "Giấy xác nhận" đề ngày 17/6/2019, có chữ ký người nhận là bà Lê Thị N với nội dung bà Lê Thị N là em ruột bà Lê Thị L nhận hộ bà L 50.000.000đ tiền gốc do chị Y trả cho bà L. Tại phiên tòa ngày 01/11/2019, người có quyền L, nghĩa vụ liên quA bà Lê Thị N khẳng định không có sự việc này, bà đề nghị Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để cơ quA chuyên môn giám định nội dung "Giấy xác nhận" trên. Tại Kết luận giám định số 1784/KL- KTHS ngày 11/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công A tỉnh Bắc GiAg kết luận:

- "Chữ viết phần ghi nội dung trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ chữ ký, chữ viết *"Y- Nguyễn Thị Y", "N- Lê Thị N"* dưới mục *"Người trả tiền", "Người nhận tiền*") ***đã bị tẩy xóa, sửa chữa, viết chèn đè".***

- Nội dung chữ viết N thủy xác định được một phần (cách đếm dòng kẻ từ trên xuống dưới) gồm: Dòng kẻ thứ 1 là *"DAh sách khách hàng dùng thử"*; dòng kẻ thứ hai là *" 9 1: Trà…"*; dòng kẻ thứ 3 là *"1: trà At…"*; dòng kẻ thứ 4 là *"/ Việt"*; dòng kẻ thứ 5 là *"Nguyễn Thị Việt"*; dòng kẻ thứ 6 có đường gạch ngAg; dòng kẻ thứ 8 là *" 10 1: Trà…"*; dòng kẻ thứ 11 là *"Nguyễn Thị Phúc"*; dòng kẻ thứ 13 có đường gạch ngAg; dòng kẻ thứ 14 là *" 11 1: Trà chị N Đ/c: T Đ"*; dòng kẻ thứ 15 là *"1: Trà…"*; dòng kẻ thứ 16 là *"…Trà vị chAh"*. Ngoài ra kết luận còn ghi chú: *Dấu "…" là không xác định được chữ viết N thủy)…*". Căn cứ vào lời của bà N, vào kết quả giám định trên không có cơ sở xác định bà N nhận hộ bà L 50.000.000đ từ chị Y nên ý kiến của chị Y không được chấp nhận.

[5]. Về chi phí tố tụng: Do kết quả giám định chứng minh yêu cầu của bà Lê Thị N có căn cứ nên chị Nguyễn Thị Y phải hoàn lại cho chị N 1.920.000đ tiền chi phí giám định.

[6]. Về án phí: Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy bA thường vụ Quốc hội, chị Y phải chịu 6.588.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam.

[7]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 471, Điều 474, Điều 476, Điều 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 161, Điều 162 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

của Uỷ bA thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị L. Buộc chị Nguyễn Thị Y phải trả cho bà Lê Thị L tổng số tiền là 131.777.000đ (một trăm ba mươi mốt triệu bẩy trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng). Trong đó có 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng) tiền gốc và 41.777.000đ (bốn mươi mốt triệu, bẩy trăm bẩy mươi bẩy nghìn đồng) tiền lãi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Y phải chịu 6.588.800đ (sáu triệu năm trăm tám mươi tám nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Lê Thị L 2.250.000đ tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp theo biên lai thu số: AA/2017/0003882 ngày 21/03/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc GiAg.

Kể từ ngày bà Lê Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Nguyễn Thị Y không chịu trả số tiền trên, thì hàng tháng chị Y còn phải trả cho bà Lê Thị L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời giA chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2017 là 10%/năm.

3. Về chi phí tố tụng: Chị Nguyễn Thị Y phải hoàn trả chị Lê Thị N 1.920.000đ (một triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng) tiền chi phí giám định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt biết, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- VKSND tỉnh;
- Chi chục THADS huyện.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Huân